

Số: 64/2017/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 339/TTr-STC ngày 08 tháng 10 năm 2017 và Công văn số 2447/CV-STC ngày 29 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2018 và thay thế Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT, BTC, BLĐTB&XH (B/C);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư Pháp;
- NHCSXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành,
- Công báo tỉnh; Báo Lạng Sơn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (LTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương

QUY CHẾ

Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 64 /2017/QĐ-UBND ngày 29 /12/2017 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH tỉnh Lạng Sơn để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 9 quy chế này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

- UBND tỉnh ủy quyền bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội ký hợp đồng ủy thác nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh với Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lạng Sơn.

- UBND huyện ủy quyền bằng văn bản cho Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội ký hợp đồng ủy thác nguồn vốn ngân sách cấp huyện với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện.

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh:

a) Căn cứ Quyết định giao vốn (hoặc quyết định giao dự toán) của UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện chuyển tiền cho Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội để quản lý nguồn vốn theo hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền, hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Căn cứ hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội chuyển tiền cho NHCSXH tỉnh để thực hiện cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện:

a) Căn cứ Quyết định giao vốn (hoặc quyết định giao dự toán) của UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện chuyển tiền cho Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội để quản lý nguồn vốn theo hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền, hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Căn cứ hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH huyện, Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội chuyển tiền cho Phòng Giao dịch NHCSXH huyện để thực hiện cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 5. Đối tượng cho vay: Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) thực hiện theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn:

- a) Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ;
- b) Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh). Việc trích lập dự phòng rủi ro được thực hiện 01 lần/năm vào ngày 31/12 hằng năm.

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH trên dư nợ bình quân tối thiểu bằng mức phí Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung, không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 10% số tiền lãi thu được, tỷ lệ hưởng cho các cơ quan có liên quan như sau:

- Trích tối đa 7% cho các hoạt động quản lý của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp.

- Trích tối đa 3% cho Phòng Giao dịch NHCSXH huyện để mua sắm công cụ lao động, phương tiện làm việc cho các Tổ giao dịch lưu động xã đi giao dịch tại xã, phường, thị trấn.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 điều 9 do Chủ tịch UBND tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến

vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác:

a) Đối với khoản vay thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định;

b) Đối với khoản vay thuộc nguồn vốn ngân sách huyện ủy thác Phòng Giao dịch NHCSXH huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội, Phòng Tài chính- Kế hoạch và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

3. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

5. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện xử lý như sau:

a) Đối với khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Đối với khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội và Phòng Giao dịch NHCSXH huyện báo cáo UBND huyện bổ sung ngân sách huyện để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách huyện chuyển qua Phòng Giao dịch NHCSXH huyện.

6. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

7. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính;

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng Giao dịch NHCSXH huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng Giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng giám đốc NHCSXH.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội, tham mưu, đề xuất với UBND cấp huyện đối với nguồn vốn ủy thác từ ngân sách huyện:

a) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo chuyên vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đột xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1 Điều 10 quy chế này.

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

đ) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

2. Sở (Phòng) Lao động Thương binh và Xã hội

a) Có trách nhiệm quản lý, theo dõi giám sát nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Hàng năm tổ chức điều tra, rà soát xác định tiêu chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở để thực hiện cho vay đúng đối tượng.

c) Tổ chức tập huấn cán bộ xã, các trưởng thôn về triển khai công tác xoá đói giảm nghèo và hướng dẫn các đơn vị rà soát bổ sung kịp thời danh sách hộ nghèo, cận nghèo của địa phương để tạo điều kiện cho các hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn từ NHCSXH.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ TK&VV để thực hiện uỷ thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng uỷ thác đã ký với NHCSXH.

4. NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo UBND cấp tỉnh, cấp huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện chuyển qua NHCSXH trước tháng 04 của năm sau.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

6. UBND xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức Chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi...

7. Trách nhiệm của người vay

a) Khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định;

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính

chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Khi Chính phủ, NHCSXH Việt Nam và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan có quy định mới khác với Quy chế này, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Chính phủ, NHCSXH Việt Nam và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

4. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh để xem xét chỉ đạo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương